

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2022

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng

Ông Nguyễn Việt Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Huyền - Thư ký Tòa án ND thành phố Cao Lãnh.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2022, về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 218, đường B, Khóm 4, Phường 2, thành phố C, tỉnh Đ.

Bị đơn: Lê Thanh H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 03, đường T, Tổ 10, Khóm 2, Phường 11, thành phố C, tỉnh Đ.

Chị L có mặt tại phiên tòa, anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị L trình bày:

Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Lê Thanh H kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường 11, thành phố C, tỉnh Đ.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến tháng 12/2020, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt do anh H không trung thực với chị L. Anh H vay mượn tiền nhiều nơi, chị L phát hiện thì che giấu viện nhiều lý do, khiến chị L không còn tin tưởng. Anh H đã qua mặt chị L nhiều lần về việc làm kinh tế, còn tự ý giao tài sản do chị L đứng tên cho người khác để trừ nợ mà không bàn bạc. Từ đó, vợ chồng thường xảy ra xích mích, mỗi lần gây gổ là anh H bỏ nhà đi vài ba ngày có khi cả tháng mới quay về. Hơn một năm nay tình cảm ngày càng phai nhạt, không còn gắn bó.

Anh H sống với chị L không thành thật nên chị L không đặt lòng tin nơi anh H nữa. Vợ chồng không cùng quan điểm trong việc làm kinh tế dẫn đến tình cảm rạn nứt. Tháng 6/2021, chị L khởi kiện ly hôn, được mời hòa giải tại Tòa nhưng anh H năn nỉ nên chị L cho cơ hội, đến nay không có kết quả nên chị L không muốn tiếp tục duy trì.

Nay, chị Phạm Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh H.

Con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Lê Thanh H: Anh Lê Thanh H không gửi (nộp) văn bản ý kiến cho Tòa án.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Thanh H nhưng anh H không có văn bản ghi ý kiến đối với nội dung vụ án, đồng thời không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không có mặt tại các phiên tòa xét xử của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn. Bị đơn Lê Thanh H có địa chỉ tại Phường 11, thành phố C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh Lê Thanh H hiện đang có mặt tại nơi cư trú, Tòa án nhân dân thành phố C đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Thanh H nhưng anh Lê Thanh H không có mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời không có mặt tại các phiên tòa. Chị Phạm

Thị L đồng ý việc xét xử vắng mặt anh Lê Thanh H tại phiên tòa theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Thanh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Xét quan hệ hôn nhân của chị Phạm Thị L và anh Lê Thanh H được xác lập vào năm 2018, do chị Phạm Thị L tự nguyện và thừa nhận, có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố C, tỉnh Đ nên quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị L và anh Lê Thanh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị L cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh H. Anh Lê Thanh H không có mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về quan hệ hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, anh Lê Thanh H không gửi (nộp) văn bản ghi ý kiến để trình bày về quan hệ hôn nhân. Mặc dù, Tòa án có thông báo cho anh Lê Thanh H, yêu cầu anh Lê Thanh H trình bày về quan hệ hôn nhân nhưng anh Lê Thanh H vẫn không gửi (nộp) cho Tòa án.

Xét thấy, chị Phạm Thị L và anh Lê Thanh H có nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị L, chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Lê Thanh H, theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Xét con chung:* Chị Phạm Thị L trình bày vợ chồng không có con chung; Anh Lê Thanh H cũng không có ý kiến về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Xét tài sản chung và nợ chung:* Chị Phạm Thị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung; Anh Lê Thanh H cũng không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Án phí:* Chị Phạm Thị L pH chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Lê Thanh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị L, chị Phạm Thị L được ly hôn với anh Lê Thanh H.

Con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Phạm Thị L pH chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005358 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Như vậy, chị Phạm Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lê Thanh H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Chị Phạm Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TPCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Liên